

Số: 698/QĐ-TĐHTPHCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá  
và cải tiến chương trình đào tạo trình độ đại học  
tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 42/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Quốc Hội;

Căn cứ Quyết định số 3479/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo;

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trường các đơn vị trực thuộc Trường và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Hội đồng trường (Để báo cáo);
- Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường;
- PHT Lê Hoàng Nghiêm (Để biết);
- Các đơn vị đào tạo;
- Lưu VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Quyền

## QUY ĐỊNH

**Xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá và cải tiến  
chương trình đào tạo trình độ đại học  
tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành theo Quyết định số 698/QĐ-TĐHTPHCM ngày 21 / 8 /2024 của Hiệu  
trưởng trường Đại học Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh)*

## CHƯƠNG 1

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo trình độ đại học.
2. Quy định này áp dụng đối với Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Trường).
3. Các chương trình đào tạo đã ban hành trước đây, khi thực hiện rà soát, đánh giá và cải tiến phải đáp ứng Quy định này.

#### Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chương trình đào tạo là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng giáo dục đại học cho người học. Chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
2. Chuẩn đầu ra là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một chương trình đào tạo, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp.
3. Chuẩn đầu vào (hay yêu cầu đầu vào) của chương trình đào tạo là những yêu cầu tối thiểu về trình độ, năng lực, kinh nghiệm mà người học cần có để theo học chương trình đào tạo của Chính phủ với yêu cầu người tốt nghiệp đạt trình độ tương đương.
4. Chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 là chương trình đào tạo của một số ngành chuyên sâu đặc thù theo quy định của Chính phủ với yêu cầu người tốt nghiệp đạt trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam; chương

trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 8 là chương trình đào tạo của một số ngành chuyên sâu đặc thù theo quy định của Chính phủ với yêu cầu người tốt nghiệp đạt trình độ tương đương bậc 8 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

5. Chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu có mục tiêu và nội dung theo hướng chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản trong các lĩnh vực khoa học, phát triển các công nghệ nguồn làm nền tảng để phát triển các lĩnh vực khoa học ứng dụng và công nghệ.

6. Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng có mục tiêu và nội dung theo hướng phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người.

7. Chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp có mục tiêu và nội dung theo hướng trang bị những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu, phát triển năng lực làm việc gắn với một nhóm chức danh nghề nghiệp cụ thể.

8. Lĩnh vực đào tạo là tập hợp một số nhóm ngành đào tạo có những đặc điểm chung về chuyên môn hoặc nghề nghiệp, tương ứng với Danh mục giáo dục, đào tạo cấp II thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

9. Nhóm ngành đào tạo là tập hợp một số ngành đào tạo có những đặc điểm chung về chuyên môn, tương ứng với Danh mục giáo dục, đào tạo cấp III thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

10. Môn học, học phần (sau đây gọi chung là học phần) là một tập hợp hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế nhằm thực hiện một số mục tiêu học tập cụ thể, trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thuộc một phạm vi chuyên môn hẹp trong chương trình đào tạo. Một học phần thông thường được tổ chức giảng dạy, học tập trong một học kỳ.

11. Thành phần của một chương trình đào tạo là một nhóm học phần và các hoạt động học tập, nghiên cứu khác có đặc điểm chung về chuyên môn; có vai trò rõ nét trong thực hiện một nhóm mục tiêu và yêu cầu đầu ra của chương trình đào tạo. Các thành phần được sử dụng để thiết kế cấu trúc tổng thể của chương trình đào tạo, như giáo dục đại cương, khoa học cơ bản, cơ sở và cốt lõi ngành, thực tập và trải nghiệm, nghiên cứu khoa học và các thành phần khác.

### **Điều 3. Mục đích ban hành Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo trình độ đại học**

Ban hành Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo trình độ đại học để:

1. Xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo đảm bảo đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thực hiện cam kết trách nhiệm với người học và toàn xã hội về chất lượng chương trình đào tạo của Trường.

## **CHƯƠNG II**

### **CÁC YÊU CẦU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **Điều 4. Yêu cầu chung về chương trình đào tạo**

1. Đáp ứng các yêu cầu theo chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo và Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Đối với các ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực chưa ban hành chuẩn chương trình đào tạo, cần tham khảo tiêu chuẩn nghề nghiệp trong nước và quốc tế cho ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực tương ứng.

2. Thể hiện rõ khả năng góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực theo kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, quốc gia và nhu cầu của thị trường lao động.

3. Phản ánh yêu cầu của các bên liên quan, trong đó có đại diện giảng viên tại các đơn vị chuyên môn, đại diện các đơn vị sử dụng lao động và hiệp hội nghề nghiệp, các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn, người đã tốt nghiệp chương trình đào tạo đang làm việc đúng chuyên môn.

4. Được tham khảo, đối sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành đã được kiểm định của các trường có uy tín ở trong nước và nước ngoài.

5. Được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; phải tích hợp giảng dạy kỹ năng với kiến thức; phải có ma trận các học phần với chuẩn đầu ra, bảo đảm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được phân bổ và truyền tải đầy đủ thành chuẩn đầu ra của các học phần.

6. Các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá phải được lập kế hoạch và thiết kế dựa vào chuẩn đầu ra của học phần, bảo đảm cung cấp những hoạt động giảng dạy thúc đẩy việc học tập đáp ứng chuẩn đầu ra.

7. Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo phải có đầy đủ đề cương học phần. Đề cương học phần phải được xây dựng theo các quy định và biểu mẫu thống nhất của Trường.

8. Có hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo, bảo đảm chất lượng đào tạo.

9. Được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường có ý kiến thông qua trước khi ban hành.

#### **Điều 5. Mục tiêu của chương trình đào tạo**

1. Phải nêu rõ kỳ vọng của Trường về năng lực và triển vọng nghề nghiệp của người tốt nghiệp chương trình đào tạo.

2. Phải thể hiện được định hướng đào tạo: định hướng nghiên cứu, định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghề nghiệp; đáp ứng nhu cầu của giới tuyển dụng và các bên liên quan.

3. Phải phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của Trường, nhu cầu của xã hội; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học và mô tả trình độ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

#### **Điều 6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

1. Phải rõ ràng và thiết thực, thể hiện kết quả học tập mà người tốt nghiệp cần đạt được về hiểu biết chung và năng lực cốt lõi ở trình độ đào tạo, những yêu cầu riêng của lĩnh vực, ngành đào tạo.

2. Phải đo lường, đánh giá được theo các cấp độ tư duy làm căn cứ thiết kế, thực hiện và cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và cấp văn bằng cho người học.

3. Phải nhất quán với mục tiêu của chương trình đào tạo, thể hiện được sự đóng góp rõ nét đồng thời phản ánh được những yêu cầu mang tính đại diện cao của giới tuyển dụng và các bên liên quan khác.

4. Phải chỉ rõ bậc trình độ cụ thể và đáp ứng chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, năng lực cần thiết theo quy định cho bậc trình độ tương ứng theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

5. Phải bảo đảm tính liên thông với chuẩn đầu vào của trình độ đào tạo cao hơn (nếu có), đồng thời tạo cơ hội liên thông ngang giữa các chương trình cùng trình độ đào tạo, nhất là giữa các chương trình thuộc cùng nhóm ngành hoặc cùng lĩnh vực.

6. Phải được cụ thể hóa một cách đầy đủ và rõ nét trong chuẩn đầu ra của các học phần và thành phần trong chương trình đào tạo, đồng thời được thực hiện một cách có hệ thống qua liên kết giữa các học phần và các thành phần.

7. Phải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với khối lượng chương trình để phần lớn người học đã đáp ứng chuẩn đầu vào có khả năng hoàn thành của chương trình đào tạo trong thời gian tiêu chuẩn.

#### **Điều 7. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo**

1. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo phải xác định rõ những yêu cầu tối thiểu về trình độ, năng lực, kinh nghiệm phù hợp với từng trình độ, ngành và định hướng đào tạo mà người học cần đáp ứng để có thể học tập thành công và hoàn thành tốt chương trình đào tạo. Chi tiết chuẩn đầu vào thể hiện trong Đề án tuyển sinh.

2. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo đại học và chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7: Người học phải có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương.

#### **Điều 8. Khối lượng học tập**

1. Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá.

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

2. Khối lượng học tập tối thiểu của một chương trình đào tạo phải phù hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, cụ thể như sau:

a) Chương trình đào tạo đại học: 120 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành;

b) Chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7: 150 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng-an ninh theo quy định hiện hành; hoặc 30 tín chỉ đối với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành;

c) Chương trình đào tạo thạc sĩ: 60 tín chỉ đối với người học có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành;

d) Chương trình đào tạo tiến sĩ: 90 tín chỉ đối với người học có trình độ thạc sĩ, 120 tín chỉ đối với người học có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành.

3. Khối lượng học tập tối thiểu đối với các chương trình đào tạo song ngành phải cộng thêm 30 tín chỉ, đối với chương trình đào tạo ngành chính - ngành phụ phải cộng thêm 15 tín chỉ so với chương trình đào tạo đơn ngành tương ứng.

## **Điều 9. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo**

1. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo:

a) Phải thể hiện rõ vai trò của từng thành phần, học phần, sự liên kết logic và bổ trợ lẫn nhau giữa các thành phần, học phần đảm bảo thực hiện mục tiêu, yêu cầu tổng thể của chương trình đào tạo;

b) Phải thể hiện rõ đặc điểm và yêu cầu chung về chuyên môn, nghề nghiệp trong lĩnh vực, nhóm ngành ở trình độ đào tạo, tạo điều kiện thực hiện liên thông giữa các ngành và trình độ đào tạo; đồng thời thể hiện những đặc điểm và yêu cầu riêng của ngành đào tạo;

c) Phải quy định rõ những thành phần chính yếu, bắt buộc đối với tất cả người học; đồng thời đưa ra các thành phần bổ trợ, tự chọn để người học lựa chọn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân;

d) Phải định hướng được cho người học đồng thời đảm bảo tính mềm dẻo, tạo điều kiện cho người học xây dựng kế hoạch học tập cá nhân theo tiến độ và trình tự phù hợp với năng lực, điều kiện của bản thân.

2. Mỗi thành phần, học phần của chương trình đào tạo phải quy định mục tiêu, yêu cầu đầu vào và đầu ra, số tín chỉ và nội dung, đặc điểm chuyên môn; đóng góp rõ nét trong thực hiện mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

3. Yêu cầu đối với chương trình đào tạo đại học và chương trình chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7:

a) Giáo dục đại cương bắt buộc gồm các môn lý luận chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành.

b) Đối với các chương trình đào tạo song ngành, ngành chính - ngành phụ, chương trình đào tạo cần được cấu trúc để thể hiện rõ những thành phần chung và những phần riêng theo từng ngành;

c) Đối với chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7, yêu cầu khối lượng thực tập tối thiểu 8 tín chỉ.

#### **Điều 10. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập**

1. Phương pháp giảng dạy phải được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

2. Đánh giá kết quả học tập của người học phải dựa trên chuẩn đầu ra, phải làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và chương trình đào tạo.

3. Đánh giá kết quả học tập của người học phải dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến chương trình đào tạo và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

#### **Điều 11. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ**

Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình đại học, giảng dạy chương trình chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 như sau:

1. Giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên, trợ giảng có trình độ đại học trở lên;

2. Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;

3. Có ít nhất 5 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình phải có giảng viên với chuyên môn phù hợp giảng dạy;

4. Có đủ số lượng giảng viên để đảm bảo tỷ lệ sinh viên trên giảng viên không vượt quá mức quy định của từng lĩnh vực, nhóm ngành hoặc ngành đào tạo.

### **CHƯƠNG III**

## **XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH VÀ BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **Điều 12. Yêu cầu đối với Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo**

1. Số lượng thành viên Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo là số lẻ và ít nhất 05 thành viên (*đối với chương trình đào tạo tích hợp, hội đồng xây dựng chương trình đào tạo có thể cơ cấu gồm ít nhất 07 thành viên*)

2. Thành viên Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về tiêu chuẩn, cơ cấu, thành phần như sau:

a) Đại diện tiêu biểu cho giảng viên am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, trực tiếp tham gia giảng dạy hoặc quản lý đào tạo của Trường, có năng lực xây dựng và phát triển chương trình đào tạo.

b) Chuyên gia phát triển chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học.

c) Đại diện giới tuyển dụng lao động trong lĩnh vực chuyên môn liên quan, có am hiểu về yêu cầu năng lực nghề nghiệp và các vị trí việc làm trong lĩnh vực của ngành đào tạo.

d) Cơ cấu Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo gồm Chủ tịch, Thư ký và các Ủy viên. Chủ tịch hội đồng xây dựng chương trình đào tạo là giảng viên cơ hữu của Trường, có trình độ từ tiến sĩ trở lên đúng ngành hoặc ngành gần.

3. Hiệu trưởng ký quyết định thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo trên cơ sở đề xuất của Trường Đơn vị đào tạo.

### **Điều 13. Yêu cầu đối với Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo**

1. Số lượng thành viên Hội đồng thẩm định là số lẻ, ít nhất 5 thành viên gồm Chủ tịch, Thư ký, tối thiểu 02 ủy viên phản biện thuộc hai cơ sở đào tạo khác nhau và các ủy viên Hội đồng; trong đó có ít nhất 01 thành viên là người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động.

2. Thành viên Hội đồng thẩm định phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

a) Giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ đúng ngành hoặc ngành gần đối với chương trình đào tạo thuộc ngành mới.

b) Các chuyên gia am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, có năng lực xây dựng, phát triển chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học.

c) Thành viên Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo không là thành viên Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo.

3. Hiệu trưởng ký quyết định thành lập Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo trên cơ sở đề xuất của Trường Đơn vị đào tạo.

### **Điều 14. Quy trình xây dựng chương trình đào tạo**

Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo được thực hiện khi xây dựng đề án mở ngành đào tạo mới và thực hiện quy trình sau:

#### **Bước 1: Lập kế hoạch**

Từ kế hoạch của Trường, Trường khoa lập kế hoạch chi tiết xây dựng chương trình đào tạo theo từng ngành/chuyên ngành thuộc khoa quản lý và lập dự toán kinh phí theo quy định hiện hành.

**Bước 2: Thành lập hội đồng xây dựng chương trình đào tạo**

Khoa đề xuất thành viên trong hội đồng xây dựng chương trình đào tạo, Trường phòng Đào tạo căn cứ trên đề nghị của Khoa trình Hiệu trưởng ban hành Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo theo yêu cầu ở Điều 12.

**Bước 3: Thu thập thông tin từ các bên liên quan**

a) Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo lập kế hoạch và xác định phương pháp thu thập thông tin từ các bên liên quan;

b) Phương pháp thu thập thông tin có thể bao gồm nhưng không giới hạn trong các phương pháp sau: hội thảo, phiếu khảo sát, họp chuyên môn, phỏng vấn... Trong trường họp trường có mẫu phiếu khảo sát chung, Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo có thể điều chỉnh phiếu khảo sát này cho phù hợp với nhu cầu từng chương trình và trình độ đào tạo.

c) Hình thức thu thập thông tin có thể bao gồm phỏng vấn trực tiếp, gửi văn bản trực tiếp hoặc online, gửi email...;

d) Các bên liên quan bao gồm: đại diện giảng viên đúng chuyên ngành, đại diện các đơn vị sử dụng lao động và hiệp hội nghề nghiệp, doanh nghiệp, các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn, cựu sinh viên, sinh viên,...;

e) Nội dung tối thiểu cần thu thập thông tin bao gồm: nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành/chuyên ngành đào tạo; nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành/chuyên ngành đào tạo; yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu, chuẩn đầu ra và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp;

g) Nội dung báo cáo thu thập thông tin phải bao quát các đối tượng, nội dung và phương pháp thu thập thông tin.

**Bước 4: Xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

a) Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo căn cứ vào thông tin thu được ở Bước 3, yêu cầu chung ở Điều 5 và Điều 6 văn bản này để xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b) Tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan và Phòng Khảo thí, Đảm bảo chất lượng và Thanh tra giáo dục về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Thực hiện báo cáo phân tích, đánh giá kết quả khảo sát và hoàn thiện mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; (BM.20-QT-ĐT-02, BM.20a-QT-ĐT-02, BM.20b-QT-ĐT-02, BM.20c-QT-ĐT-02, BM.20d-QT-ĐT-02, BM.21-QT-ĐT-02)

c) Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa đánh giá và thông qua mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Việc thông qua chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của hội đồng khoa học và đào tạo Khoa phải được lập thành biên bản.

**Bước 5: Xác định khối lượng học tập và cấu trúc chương trình đào tạo**

a) Căn cứ vào thông tin thu được ở Bước 3, mục tiêu, chuẩn đầu ra được xác định ở Bước 4 và tham khảo chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo khác, Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo xác định khối lượng học tập, cấu trúc chương trình đào tạo, đảm bảo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được phân bổ, truyền tải đầy đủ thành chuẩn đầu ra của các học phần và thể hiện qua bản dự thảo ma trận kỹ năng;

b) Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa xem xét góp ý bản dự thảo ma trận kỹ năng để thể hiện rõ sự phát triển kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm qua các học phần, thành phần của chương trình đào tạo trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo.

#### **Bước 6: Đối sánh chương trình đào tạo**

Thực hiện đối sánh cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo với chương trình cùng trình độ, cùng ngành/chuyên ngành đã được kiểm định của các cơ sở đào tạo có uy tín ở trong nước và nước ngoài.

#### **Bước 7: Xây dựng đề cương các học phần**

Bộ môn dự thảo chương trình đào tạo, tổ chức biên soạn đề cương (tổng quát và chi tiết) cho các học phần/nhóm học phần trong chương trình đào tạo trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra, ma trận kỹ năng.

#### **Bước 8: Tổ chức lấy ý kiến về chương trình đào tạo**

a) Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về chương trình đào tạo và đề cương học phần. Các nhóm đối tượng cần lấy ý kiến tương tự Bước 3;

b) Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo hoàn thiện chương trình đào tạo trên cơ sở ý kiến phản hồi của các bên liên quan;

c) Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa đánh giá, thông qua chương trình đào tạo trước khi gửi về phòng Đào tạo xem xét để tiến hành các thủ tục thẩm định.

#### **Bước 9: Thẩm định chương trình đào tạo**

a) Hiệu trưởng ký quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo theo yêu cầu tại Điều 13;

b) Hội đồng thẩm định đánh giá mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo với quy định tại Điều 4 của văn bản này (ngoại trừ Khoản 9) và các quy định liên quan khác về chương trình đào tạo;

c) Hội đồng thẩm định kết luận rõ một trong các nội dung sau: thông qua chương trình đào tạo, không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc thông qua chương trình đào tạo nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung và nêu nội dung cụ thể cần phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc không thông qua chương trình đào tạo và nêu lý do không thông qua;

d) Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo giải trình (giải trình trực tiếp và giải trình bằng văn bản) các ý kiến phản biện của Hội đồng thẩm định và tiến hành chỉnh sửa theo các ý kiến góp ý của Hội đồng thẩm định (nếu có);

#### **Bước 10: Hội đồng khoa học và đào tạo Trường thông qua CTĐT**

Sau khi có kết luận của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo có trách nhiệm hoàn thiện chương trình đào tạo, trình Hội đồng khoa

học và đào tạo Trường thông qua. Việc thông qua chương trình đào tạo của hội đồng khoa học và đào tạo Trường phải được lập thành biên bản.

#### **Bước 11: Phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo**

Trên cơ sở kết quả của Hội đồng thẩm định và kết luận thông qua của Hội đồng khoa học và đào tạo Trường, Hiệu trưởng phê duyệt và ký quyết định ban hành chương trình đào tạo, đưa vào đề án mở ngành đào tạo theo quy định và chỉ đạo Phòng Đào tạo thực hiện công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường.

### **CHƯƠNG IV**

## **RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG**

### **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **Điều 15. Thời điểm và quy trình rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo**

1. Chương trình đào tạo phải được thường xuyên rà soát, đánh giá, cập nhật; kết quả rà soát, đánh giá phải được áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.
2. Việc rà soát, đánh giá chương trình đào tạo gồm có:
  - Đánh giá thường xuyên, thực hiện cuối mỗi học kỳ;
  - Đánh giá định kỳ, thực hiện đánh giá tổng thể chương trình đào tạo theo chu kỳ 4 năm.
3. Quy trình đánh giá thường xuyên gồm các bước như sau:
  - Khoa/Bộ môn rà soát, đánh giá các học phần trong học kỳ của chương trình đào tạo được trình bày ở phụ lục 1;
  - Khoa/Bộ môn đề nghị cải tiến các học phần của chương trình đào tạo, nộp về Trường thông qua Phòng Đào tạo;
  - Phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng phê duyệt, đưa vào sử dụng;
4. Quy trình đánh giá tổng thể chương trình đào tạo được trình bày tại Phụ lục 2. Hiệu trưởng công bố chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cải tiến.
5. Việc đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trước khi khóa đầu tiên tốt nghiệp theo quy định về mở ngành đào tạo tại khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Điều này.

#### **Điều 16. Yêu cầu của việc đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo**

Đánh giá chương trình đào tạo phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Việc đánh giá phải đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo quy định tại Chương II của Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT và chuẩn chương trình đào tạo của các ngành, khối ngành (nếu có);
2. Việc đánh giá phải dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đối với mỗi khóa học và phản hồi của các bên liên quan (giới sử dụng

lao động, người học, giảng viên, tổ chức nghề nghiệp...). Mỗi chuẩn đầu ra phải được đánh giá tối thiểu hai lần trong chu kỳ đánh giá chương trình đào tạo;

3. Việc đánh giá phải phải làm rõ tính hiệu quả của chương trình đào tạo đang thực hiện (đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy);

4. Việc đánh giá phải đưa ra đề xuất cải tiến chất lượng chương trình đào tạo và dự kiến tác động của việc thay đổi, cải tiến chương trình đào tạo; kết quả đánh giá và cải tiến phải được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường.

## **CHƯƠNG V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 17. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo mới là một phần của quy trình mở ngành đào tạo, thực hiện theo kế hoạch của Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo.

2. Quy trình rà soát thường xuyên chương trình đào tạo thực hiện cuối mỗi học kỳ do Khoa/Bộ môn phụ trách thực hiện.

3. Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm tham mưu Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo định kì.

#### **Điều 18. Chế độ báo cáo và công khai thông tin về chương trình đào tạo**

1. Trường Phòng Khảo thí, Đảm bảo chất lượng & Thanh tra giáo dục chịu trách nhiệm về thu thập thông tin từ các Khoa đào tạo, tổng hợp báo cáo hình thức văn bản và cập nhật dữ liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về:

a) Thông tin chung về chương trình đào tạo bao gồm: tên chương trình đào tạo, địa điểm thực hiện chương trình đào tạo, yêu cầu tối thiểu để thực hiện chương trình đào tạo, tình trạng kiểm định chất lượng chương trình đào tạo;

b) Tác động đánh giá chương trình và đánh giá chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đến cải tiến chất lượng của các chương trình đào tạo;

c) Nguồn lực thực hiện chương trình bao gồm; phân tích số lượng và phân bổ giảng viên, giảng viên có trình độ chuyên môn liên quan đến ngành; ngân sách và nguồn kinh phí, cơ sở vật chất và thiết bị hỗ trợ đào tạo.

2. Hiệu trưởng, Trường Phòng Khảo thí, Đảm bảo chất lượng & Thanh tra giáo dục chịu trách nhiệm về thời gian báo cáo, tính chính xác và chất lượng báo cáo.

3. Phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí, Đảm bảo chất lượng & Thanh tra giáo dục, Trung tâm Thông tin - Thư viện và Khoa đào tạo có trách nhiệm phối hợp trong việc thực hiện công khai thông tin các chương trình đào tạo trên trang thông tin điện tử của Trường theo các yêu cầu sau:

a) Thông tin chung về chương trình gồm chương trình áp dụng đối với khóa tuyển

sinh cụ thể; hình thức, phương thức và thời gian đào tạo; các thông tin theo các yêu cầu của chuẩn chương trình đào tạo;

b) Kết quả đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, những cải tiến chương trình đào tạo đã thực hiện trong vòng 5 năm liền trước để nâng cao chất lượng đào tạo;

c) Tình trạng kiểm định của các chương trình đào tạo đang thực hiện tại Trường.

#### **Điều 19. Điều khoản thi hành**

Quy định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quy định này./.



**Huỳnh Quyền**

## PHỤ LỤC 1: RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

### 1. Sơ đồ quản lý rà soát, đánh giá học phần

| STT | Tiến trình                                                                                                                                                                 | Trách nhiệm       | Hồ sơ công việc                                    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------------------------|
| 1   | <pre> graph TD     A[Liệt kê DS học phần trong học] --&gt; B{Đánh giá}     B --&gt; C[Điều chỉnh đề cương học phần]     B --&gt; D[Triển khai học phần]             </pre> | Bộ môn, Khoa, PĐT |                                                    |
|     |                                                                                                                                                                            | Bộ môn            | BM.15-QT-ĐT-02                                     |
| 2   | Điều chỉnh đề cương học phần                                                                                                                                               | Bộ môn            | BM.03-QT-ĐT-02<br>BM.04-QT-ĐT-02<br>BM.05-QT-ĐT-02 |
| 3   | Triển khai học phần                                                                                                                                                        | Bộ môn, Khoa, PĐT |                                                    |

### 2. Đánh giá học phần

- Khoa/Bộ môn thực hiện đánh giá học phần cuối mỗi học kỳ.
- Nội dung đánh giá bao gồm: Đánh giá thông tin phản hồi từ SV; Đánh giá kết quả học tập của SV sau khi kết thúc học kỳ; Đánh giá học phần; Thông tin về các kiến thức, kỹ thuật mới liên quan và các đánh giá khác (BM.15-QT-ĐT-02).

## PHỤ LỤC 2: QUY TRÌNH RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỊNH KỲ

### 1. Sơ đồ quản lý rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo định kỳ

| STT | Tiến trình                                                                            | Trách nhiệm                      | Hồ sơ công việc                                                                                                                                                                       |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Lập kế hoạch rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT                                         | Trường, PDT, Khoa                |                                                                                                                                                                                       |
| 2   | Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải sửa đổi, cập nhật CTĐT | HD xây dựng CTĐT;<br>Khoa/Bộ môn | PKS.01-QT-ĐT-02<br>PKS.02-QT-ĐT-02<br>PKS.03-QT-ĐT-02<br>BM.01-QT-ĐT-02                                                                                                               |
| 3   | Đánh giá tính hiệu quả của chuẩn đầu ra và CTĐT đang thực hiện                        | HD xây dựng CTĐT,<br>Khoa/Bộ môn | BM.11-QT-ĐT-02<br>BM.12-QT-ĐT-02                                                                                                                                                      |
| 4   | Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật                                          | HD xây dựng CTĐT,<br>Khoa/Bộ môn | BM.20-QT-ĐT-02,<br>BM.20a-QT-ĐT-02<br>BM.20b-QT-ĐT-02<br>BM.20c-QT-ĐT-02<br>BM.20d-QT-ĐT-02<br>BM.21-QT-ĐT-02<br>BM.13-QT-ĐT-02<br>BM.03-QT-ĐT-02<br>BM.04-QT-ĐT-02<br>BM.05-QT-ĐT-02 |
| 5   | Đánh giá, thẩm định cấp Khoa đào tạo                                                  | Hội đồng KH-ĐT cấp Khoa          | BM.14-QT-ĐT-02<br>BM.15-QT-ĐT-02                                                                                                                                                      |
| 6   | Chỉnh sửa, hoàn thiện CTĐT                                                            | HD xây dựng CTĐT                 | BM.03-QT-ĐT-02<br>BM.04-QT-ĐT-02<br>BM.05-QT-ĐT-02<br>BM.16-QT-ĐT-02                                                                                                                  |
| 7   | Đánh giá, thẩm định cấp Trường                                                        | Hội đồng KH-ĐT cấp Trường        | BM.06-QT-ĐT-21<br>BM.07-QT-ĐT-21<br>BM.08-QT-ĐT-21                                                                                                                                    |
| 8   | Ban hành CTĐT sửa đổi                                                                 | Trường, ĐT                       | BM.10-QT-ĐT-02                                                                                                                                                                        |

## **2. Quy trình rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo định kỳ**

### **Bước 1: Ban hành kế hoạch đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo**

Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện việc rà soát, đánh giá và cải tiến các chương trình đào tạo đúng thời gian quy định. Kế hoạch thực hiện phải thể hiện rõ phân công nhiệm vụ, thời gian thực hiện, dự kiến sản phẩm, quy định về trách nhiệm, quyền hạn và sự phối hợp giữa các tập thể và cá nhân của Trường trong đánh giá và cải tiến các chương trình đào tạo.

### **Bước 2: Thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo**

Trường khoa đề xuất danh sách Hội đồng xây dựng trình chương trình đào tạo theo yêu cầu ở Điều 12 gửi về Phòng đào tạo. Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm tham mưu Hiệu trưởng thành lập Ban chỉ đạo cấp Trường, Ban thư ký và trên cơ sở danh sách đề xuất của các Khoa, trình Hiệu trưởng ký quyết định thành lập các Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo.

### **Bước 3: Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình đào tạo**

(PKS.01-QT-ĐT-02; PKS.02-QT-ĐT-02; PKS.03-QT-ĐT-02; BM.01-QT-ĐT-02)

a) Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo xác định các thông tin đã có và phương pháp thu thập thông tin bổ sung (nếu cần) từ các bên liên quan;

b) Các bên liên quan bao gồm: đại diện giảng viên đúng chuyên ngành, đại diện các đơn vị sử dụng lao động và hiệp hội nghề nghiệp, doanh nghiệp, các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn, cựu sinh viên, sinh viên,...;

c) Các thông tin đã có là các khảo sát, ý kiến phản hồi của các bên liên quan đã thực hiện và phân tích trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo (như các khảo sát thực hiện theo học kỳ hoặc năm học, khảo sát người học tốt nghiệp...);

d) Các thông tin cần thu thập bổ sung, tuân thủ các yêu cầu về phương pháp, cách thức, đối tượng thu thập thông tin ở Bước 3 Điều 13.

### **Bước 4: Xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo đang thực hiện**

Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo thực hiện các công việc sau:

a) Xử lý, phân tích thông tin thu thập ở Bước 3;

b) Lập báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo đang thực hiện (BM.11-QT-ĐT-02)

- Sự đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định;

- Sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy...);

- So sánh giữa kết quả nghiên cứu về yêu cầu phát triển chương trình đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo đang thực hiện;



- Dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật chương trình đào tạo.

#### **Bước 5: Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật**

a) Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo cập nhật chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (nếu có thay đổi). Lấy ý kiến các bên liên quan và Phòng khảo thí, đảm bảo chất lượng và thanh tra giáo dục để hoàn thiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; (BM.20-QT-ĐT-02, BM.20a-QT-ĐT-02, BM.20b-QT-ĐT-02, BM.20c-QT-ĐT-02, BM.20d-QT-ĐT-02, BM.21-QT-ĐT-02)

Trong trường hợp nội hàm chuẩn đầu ra có thay đổi đáng kể, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa đánh giá và thông qua chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước khi Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo thực hiện các công việc tiếp theo;

b) Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo lập dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật (cấu trúc chương trình đào tạo, khối lượng học tập cần thiết, kế hoạch đào tạo, ma trận kỹ năng, phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy, nội dung các học phần ...);

c) Bộ môn và chủ nhiệm học phần cập nhật chuẩn đầu ra học phần (nếu có thay đổi) và điều chỉnh đề cương học phần (tổng quát, chi tiết) theo các nội dung cần sửa đổi nêu trên;

d) Trưởng khoa tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về bản dự thảo chương trình đào tạo, đề cương các học phần. Sau khi hoàn thiện theo góp ý của các bên liên quan, Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo gửi bản dự thảo cuối đến Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa để đánh giá và thông qua.

#### **Bước 6: Chỉnh sửa chương trình đào tạo**

Trên cơ sở ý kiến đóng góp, góp ý Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa. Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo tiến hành chỉnh sửa lại nội dung, tổng hợp, tóm tắt lại các ý kiến đóng góp, góp ý; giải trình những vấn đề gì đã tiếp thu; những vấn đề gì cần phải nghiên cứu, xem xét lại.

Nếu giữa ý kiến đóng góp, góp ý và dự thảo nội dung chương trình chưa đạt yêu cầu thì Hội đồng xây dựng CTĐT quay trở lại các bước trước để làm lại. Nếu đạt yêu cầu, Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo chỉnh sửa hoàn thiện chương trình đào tạo và gửi các hồ sơ rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo về phòng Đào tạo để trình Hội đồng Khoa học – Đào tạo Trường.

#### **Bước 7: Hội đồng Khoa học và đào tạo Trường thông qua các hồ sơ rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo theo đề nghị của Khoa đào tạo.**

Phòng Đào tạo trình các hồ sơ rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo để Hội đồng khoa học và đào tạo Trường đánh giá, thông qua. Kết luận của Hội đồng khoa học và đào tạo Trường phải được lập thành văn bản và thể hiện rõ việc có cần thiết thẩm định chương trình đào tạo cụ thể hay không. Trong trường hợp kết luận của hội đồng khoa học và đào tạo Trường đề xuất thẩm định chương trình đào tạo, Hiệu trưởng quyết định thẩm định chương trình đào tạo, thực hiện theo quy định tương tự thẩm định chương

trình đào tạo mới tại Bước 9 Điều 14.

**Bước 8: Ban hành các nội dung cải tiến chương trình đào tạo và phổ biến đến người học**

Trên cơ sở kết quả thông qua của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường, kết quả của Hội đồng thẩm định (nếu có), Hiệu trưởng ra quyết định ban hành chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được rà soát, đánh giá và cải tiến hoặc chỉ ban hành các nội dung cải tiến chương trình đào tạo. Phòng Đào tạo và các Khoa đào tạo chịu trách nhiệm công khai và phổ biến đến người học.

**3. Các biểu mẫu thực hiện rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo.**

| STT | Tên biểu mẫu/phụ lục                                                                            | Ký hiệu        |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 1.  | Báo cáo kết quả về thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải sửa đổi, cập nhật CTĐT | BM.01-QT-ĐT-02 |
| 2.  | Quyết định ban hành Hội đồng xây dựng CTĐT                                                      | BM.02-QT-ĐT-02 |
| 3.  | Mẫu Chương trình đào tạo                                                                        | BM.03-QT-ĐT-02 |
| 4.  | Mẫu Đề cương chi tiết học phần                                                                  | BM.04-QT-ĐT-02 |
| 5.  | Mẫu Bản mô tả CTĐT                                                                              | BM.05-QT-ĐT-02 |
| 6.  | Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT                                                    | BM.06-QT-ĐT-02 |
| 7.  | Phiếu nhận xét của Hội đồng thẩm định CTĐT                                                      | BM.07-QT-ĐT-02 |
| 8.  | Biên bản họp thẩm định CTĐT                                                                     | BM.08-QT-ĐT-02 |
| 9.  | Biên bản giải trình về ý kiến đóng góp của Hội đồng thẩm định CTĐT                              | BM.09-QT-ĐT-02 |
| 10. | Quyết định ban hành CTĐT                                                                        | BM.10-QT-ĐT-02 |
| 11. | Báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện                                       | BM.11-QT-ĐT-02 |
| 12. | Báo cáo chi tiết về những nội dung cần sửa đổi, cập nhật CTĐT                                   | BM.12-QT-ĐT-02 |
| 13. | Biên bản thảo luận về việc điều chỉnh nội dung CTĐT                                             | BM.13-QT-ĐT-02 |
| 14. | Biên bản đánh giá CTĐT                                                                          | BM.14-QT-ĐT-02 |
| 15. | Biên bản đánh giá học phần                                                                      | BM.15-QT-ĐT-02 |
| 16. | Tờ trình đề nghị điều chỉnh CTĐT                                                                | BM.16-QT-ĐT-02 |
| 17. | Báo cáo tham chiếu với chương trình đào tạo trong và ngoài nước                                 | BM.17-QT-ĐT-02 |

| STT | Tên biểu mẫu/phụ lục                                                                                               | Ký hiệu         |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 18. | Báo cáo cải tiến chất lượng chương trình đào tạo năm (năm áp dụng CTĐT cải tiến)                                   | BM.18-QT-ĐT-02  |
| 19. | Biên bản họp hội thảo                                                                                              | BM.19-QT-ĐT-02  |
| 20. | Mục tiêu và Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo                                                                      | BM.20-QT-ĐT-02  |
| 21. | Phiếu khảo sát Doanh nghiệp\Nhà tuyển dụng về việc xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo          | BM.20a-QT-ĐT-02 |
| 22. | Phiếu khảo sát Giảng viên\Nhà Khoa học về việc xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo              | BM.20b-QT-ĐT-02 |
| 23. | Phiếu khảo sát Cựu sinh viên về việc xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo                        | BM.20c-QT-ĐT-02 |
| 24. | Phiếu khảo sát Sinh viên về việc xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo                            | BM.20d-QT-ĐT-02 |
| 25. | Phiếu khảo sát về việc xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Dành cho Phòng Khảo thí, ĐBCL&TTGD) | BM.21-QT-ĐT-02  |
| 26. | Khảo sát nhà tuyển dụng điều chỉnh CTĐT                                                                            | PKS.01-QT-ĐT-02 |
| 27. | Khảo sát cựu sinh viên điều chỉnh CTĐT                                                                             | PKS.02-QT-ĐT-02 |
| 28. | Khảo sát sinh viên đang học điều chỉnh CTĐT                                                                        | PKS.03-QT-ĐT-02 |

*Tha*